|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  **TRƯỜNG .........** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------------** |

**BÀI THU HOẠCH**

**BỒI DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN GIÁO VIÊN**

**Module THCS32: Hoạt động của giáo viên chủ nhiệm**

Năm học: ..............

Họ và tên: .

Đơn vị:

**I. Những yêu cầu cơ bản của người giáo viên chủ nhiệm.**

- Có phẩm chất tư tưởng chính trị, đạo đức tốt.

- Đạt trình độ chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ.

- Có tri thức cơ bản về tâm lý học, giáo dục học và các kĩ năng sư phạm (biết tiếp cận các đối tượng học sinh, giao tiếp sư phạm, kĩ năng làm việc với học sinh)

- Biết xây dựng kế hoạch hoạt động toàn diện của lớp, có khả năng bồi dưỡng đội ngũ tự quản cho học sinh, có năng lực dự báo sự phát triển nhân cách của học sinh.

- Có khả năng truyền đạt thông tin từ nhà trường đến học sinh. Có khả năng phối hợp các lực lượng trong và ngoài nhà trường để thực hiện tốt công tác giáo dục.

- Có khả năng đánh giá, nhận định kết quả rèn luyện của học sinh và phong trào hoạt động của lớp.

- Nắm được đặc điểm, nguyện vọng của học sinh, ý kiến của cha mẹ học sinh.

- Gương mẫu có tinh thần trách nhiệm cao, có năng lực sư phạm, đặc biệt có tình yêu thương học sinh, có sức thuyết phục đối với học sinh.

- Có điều kiện thuận lợi và sức khỏe tốt để đảm đương công việc.

**II. Nhiệm vụ và quyền hạn của giáo viên chủ nhiệm.**

1.Nhiệm vụ của giáo viên chủ nhiệm.

- Tìm hiểu và nắm vững học sinh trong lớp về mọi mặt để có biện pháp tổ chức giáo dục sát đối tượng, nhằm thúc đẩy sự tiến bộ của cả lớp;

- Cộng tác chặt chẻ với gia đình học sinh, chủ động phối hợp với các giáo viên bộ môn, Đoàn, Đội, các tổ chức xã hội có liên quan trong hoạt động giảng dạy và giáo dục học sinh của lớp mình chủ nhiệm;

- Nhận xét đánh giá và xếp loại học sinh cuối kì và cuối năm học, đề nghị khen thưởng và kĩ luật học sinh, đề nghị danh sách học sinh được lên lớp thẳng, phải kiểm tra lại, phải rèn luyện thêm về hạnh kiểm trong kì nghỉ hè, phải ở lại lớp, hoàn chỉnh việc ghi vào sổ điểm và học bạ học sinh;

- Báo cáo thường kì hoặc đột xuất về tình hình của lớp với Hiệu trưởng;

2. Giáo viên chủ nhiệm có những quyền sau đây.

- Được dự các giờ học, hoạt động giáo dục khác của học sinh lớp mình;

- Được dự các cuộc họp của hội đồng khen thưởng và Hội đồng kỉ luật khi giải quyết những vấn đề có liên quan đến học sinh của lớp mình;

- Được dự các lớp bồi dưỡng, Hội nghị chuyên đề về công tác chủ nhiệm;

- Được quyền cho phép cá nhân học sinh nghỉ học không quá 03 ngày;

- Được giảm giờ lên lớp hàng tuần theo qui định khi làm chủ nhiệm lớp.

**III. Đặc điểm lao động sư phạm của giáo viên hiện nay.**

- Đào tạo thế hệ trẻ thành nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu đổi mới đất nước.

- Đối tượng lao động sư phạm là con người đang hình thành và phát triển nhân cách, có tiềm năng, là tương lai của đất nước đang tiến dần đến nền kinh tế công nghiệp phát triển theo hướng hiện đại.

- Công cụ chủ yếu của lao động sư phạm là nhân cách của người Thầy.

- Sản phẩm của lao động sư phạm là nhân cách học sinh mà xã hội yêu cầu.

- Là nghề lao động trí óc chuyên nghiệp, cá nhân giáo viên tự chịu trách nhiệm là chính, có sự phối hợp với các lực lượng giáo dục để tạo ra sản phẩm tốt.

**IV. Những tiêu chí cơ bản của người giáo viên hiện nay.**

- Là nhà sư phạm.

- Là nhà tổ chức.

- Là người biết đổi mới.

- Là người vững vàng về chuyên môn.

- Là huấn luyện viên trong quá trình học sinh học tập và phát triển nhân cách.

- Là người đồng hành với cha mẹ học sinh và các lực lượng giáo dục khác.

- Là thành viên tham gia các hoạt động văn hóa xã hội.

- Là một thành viên của cộng đồng nhà trường.

- Là nhà nghiên cứu.

- Là thành viên của tổ.

**V. Giáo viên chủ nhiệm tạo động lực phát triển nhân cách học sinh.**

1. Tạo môi trường làm việc tốt: Tạo các qui định phù hợp, thái độ cởi mở, chia sẻ, thân thiện, tạo bầu không khí tâm lý tốt đẹp.

2. Khen thưởng khi thấy xứng đáng: Không nhất thiết phải bằng vật chất.

- Tỏ ra rộng rãi khi khen ngợi thành tích của học sinh.

- Cảm ơn những nỗ lực của cá nhân học sinh.

- Ghi nhận những nhu cầu và đóng góp của cá nhân học sinh.

- Cố gắng cải thiện mối quan hệ, trao đổi thông tin cừng học sinh.

3. Tăng tính tự chủ và tự kiểm soát cho học sinh.

**VI. Các hành vi cần thiết của giáo viên.**

- Hành vi, ngôn ngữ, ứng xử và trang phục phải mẫu mực, có tác dụng giáo dục học sinh.

- Không xúc phạm danh dự, nhân phẩm, xâm phạm thân thể học sinh.

- Không gian lận trong kiểm tra, đánh giá, thi cử, báo cáo kết quả thi đua…

- Không uống rượu bia khi lên lớp và khi tham gia các hoạt động giáo dục của nhà trường.

**VII. Quy trình công việc của giáo viên chủ nhiệm.**

1. Đầu năm.

a. Tiến hành điều tra cơ bản để nắm vững đặc điểm của học sinh lớp. Nội dung gồm:

- Họ tên học sinh, ngày và nơi sinh, quê quán, dân tộc, nữ dân tộc.

- Họ tên, nghề nghiệp, địa chỉ cha mẹ học sinh.

- Kết quả 2 mặt giáo dục, khen thưởng và kĩ luật của năm học trước.

- Tình trạng sức khõe: bệnh tật, khuyết tật.

- Năng khiếu, những chức vụ đã kinh qua…

b.Trên cơ sở điều tra cơ bản, GVCN hình thành tổ chức lớp.

- Bầu ban cán sự lớp, cán sự bộ môn, giao nhiệm vụ cụ thể cho từng em và thường xuyên theo dõi giúp đỡ các em hoàn thành nhiệm vụ.

c. Tổ chức cho học sinh học tập,thảo luận nội qui và các qui định khác của trường trên cơ sở đó đưa các hoạt động của lớp sớm đi vào nề nếp ổn định.

d. Căn cứ vào kế hoạch của nhà trường, GVCN xây dựng kế hoạch, các chỉ tiêu toàn năm học của lớp, cùng nhau bàn bạc biện pháp thực hiện.

e. Lập các sổ theo qui định:

- Sổ chủ nhiệm: theo mẫu chung.

- Sổ ghi nội dung các buổi sinh hoạt lớp: Sổ đầu bài, sổ sinh hoạt giờ CN, sổ ghi điểm gọi tên, sổ theo dõi cho điểm lao động và đạo đức hàng tháng,sổ liên lạc giữa gia đình và nhà trường, học bạ học sinh, cùng với thư viện tham gia vào việc cho mượn SGK, quản lý danh sách học sinh mượn SGK, sổ theo dõi trực ĐCĐ…

f. Tham gia tổ chức hội nghị cha mẹ học sinh, bầu ban đại diện cha mẹ học sinh lớp.

g. Đề nghị nhà trường hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, nhận CSVC văn phòng phẩm.

2. Cuối học kì I.

a. Xếp loại 2 mặt giáo dục của học sinh.

b. Cung cấp số liệu cho bộ phận tổng hợp thi đua, xét thi đua lớp.

c. Báo kết quả học tập và rèn luyện học sinh cho PHHS biết thông qua buổi họp PHHS, liên hệ phụ huynh.

3. Cuối năm học.

- Xếp 2 mặt giáo dục học sinh, xét duyệt kết quả học sinh.

- Phê học bạ học sinh.

- Tham gia việc trả sách cho thư viện.

- Cung cấp số liệu cho bộ phận thi đua.

- Báo kết quả học tập và rèn luyện học sinh cho PHHS biết thông qua buổi họp PHHS, liên hệ phụ huynh.

- Bàn giao cho trường các loại hồ sơ cần thiết.

4. Hàng tháng.

a. Đầu tháng: Căn cứ trên kế hoạch hàng tháng của trường, phối hợp chương trình của Đội và tình hình cụ thể của lớp GVCN lên kế hoạch tháng của lớp và phổ biến đến học sinh ở tiết sinh hoạt chủ nhiệm đầu tháng.

b . Trong tháng: Tổ chức học sinh thực hiện kế hoạch của lớp ,thường xuyên theo dõi để biểu dương những nhân tố tích cực, uốn nắn, động viên những hiện tượng tiêu cực.

c. Cuối tháng: Sơ kết công tác trong tháng, biểu dương khen thưởng những học sinh và nhân tố làm tốt, uốn nắn những học sinh và nhân tố chưa làm tốt. Cung cấp số liệu cho bộ phận thi đua.

5. Hàng tuần.

- Lên kế hoạch tuần của lớp, nhận thêm công việc của BGH (nếu co)ù để bàn bạc triển khai trên lớp.

- Nhận phân công lao động, các công việc khác (nếu có)

6. Tiết sinh hoạt lớp:

- Kiểm điểm tình hình sinh hoạt trong tuần.

- GVCN phát biểu nhận xét và phổ biến kế hoạch tuần tới.

- Tổ chức học sinh hoạt động mang tính giáo dục bằng nhiều hình thức kể chuyện, đố vui, hái hoa dân chủ, vấn đáp, hát cho nhau nghe… tạo bầu không khí vui tươi, thoải mái.

7. Tiết sinh hoạt ngoài giờ lên lớp.

- Theo quy định 2 tiết/ tháng.

- Tiết sinh hoạt ngoài giờ lên lớp GVCN chuẩn bị kỉ về nội dung, hình thức tổ chức hoạt động, cố vấn, hướng dẩn các em tự thực hiện. Trong tiết sinh hoạt ngoài giờ lên lớp, GVCN chỉ là một người đại biểu đến dự các em hoạt động.

- Phát biểu góp ý những mặt mạnh, mặt còn hạn chế để lớp rút kinh nghiệm.

**VIII. Mối liên hệ công tác của GVCN với các tổ chức trong nhà trường.**

1. Đối với bộ phận đoàn.

- Thường xuyên liên hệ với đoàn, đội trường để trao đổi về tình hình hoạt động của đoàn đội nắm được chủ trương kế hoạch của đoàn, đội.

- Phát huy vai trò của đội cờ đỏ lớp, tạo điều kiện để các em hoạt động, đấu tranh với những sai sót và những hiện tượng tiêu cực trong lớp.

2. Với phụ huynh lớp và hội phụ huynh trường.

\* Đầu năm: tổ chức bình bầu PHHS có tâm huyết, tiêu biểu tham gia vào BCH hội phụ huynh học sinh lớp.

\* Trong năm:

- Thường xuyên liên hệ phối hợp với đại diện PHHS lớp, họp phụ huynh của những học sinh cá biệt, chậm tiến để phối hợp giáo dục.

- Những trường hợp học sinh vi phạm bình thường GVCN tiếp xúc với phụ huynh có thể qua điện thoại.

- Những trường hợp học sinh vi phạm nghiêm trọng, GVCN phải gặp trực tiếp PHHS tại trường hoặc đến nhà để phối hợp giáo dục.

- Có kế hoạch đi thăm hoặc liên hệ bằng điện thoại những học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học lực yếu, kém; hạnh kiểm chưa tốt để phối hợp gia đình giáo dục các em.

3. Với giáo viên bộ môn.

- Thường xuyên liên hệ với giáo viên bộ môn để nắm tình hình học tập của học sinh lớp mình.

- Bàn bạc với GVBM về biện pháp phụ đạo học sinh yếu kém.

4. Với ban giám hiệu.

- Phản ánh kịp thời với BGH những ý kiến đề nghị của PHHS tình hình trường lớp.

- Đề nghị với BGH những việc làm tốt của học sinh trong lớp để động viên khen thưởng và những hiện tượng tiêu cực quá tầm tay để giáo dục ngăn chặn.

**IX. Một số vấn đề về giao tiếp sư phạm.**

1- Giao tiếp sư phạm là giao tiếp có tính chất nghề nghiệp giữa giáo viên và học sinh trong quá trình dạy học và giáo dục, nhằm tạo ra sự tiếp xúc tâm lý, xây dựng bầu không khí tâm lý thuận lợi để tạo ra kết quả tối ưu trong quan hệ Thầy và Trò trong nội bộ tập thể học sinh và trong hoạt động dạy cũng như hoạt động học.

- Giao tiếp sư phạm là điều kiện đảm bảo cho hoạt động sư phạm đạt hiệu quả cao. Nó là loại giao tiếp có tính chất nghề nghiệp của giáo viên và học sinh ở trong lớp và ngoài giờ lên lớp. Nó là một thành phần cơ bản của hoạt động sư phạm, không có giao tiếp giữa thầy và trò không thể đạt được mục đích giáo dục.

2. Đặc trưng cơ bản của giao tiếp sư phạm.

Thứ nhất: Trong giao tiếp sư phạm, người giáo viên luôn phải có sự thống nhất giữa lời nói và việc làm. Không bao giờ có mâu thuẩn xảy ra trong hành vi ứng xử. Người giáo viên không chỉ giao tiếp với học sinh thông qua nội dung bài giảng, tri thức khoa học mà còn là tấm gương mực về nhân cách cho học sinh noi theo. Vì thế nhân cách của người giáo viên có ảnh hưởng rất lớn tới nhân cách của học sinh. Không nên nói với học sinh rằng: “các em hãy làm theo điều tôi nói, chứ đừng làm theo điều tôi làm”.

Thứ hai: Trong giao tiếp sư phạm, người giáo viên cần phải dùng biện pháp giáo dục tình cảm để thuyết phục, vận động đối với học sinh, chứ không nên dùng biện pháp trách phạt, đánh đập, trù dập học sinh. Trong giao tiếp sư phạm giáo viên phải biết khéo xử sư phạm, phải luôn quan tâm gần gũi để hiểu tâm lý của học sinh, dự đoán trước được những phản ứng có thể xãy ra ở học sinh để có biện pháp giáo dục thích hợp, đồng thời biết giữ đúng mức độ khi giải quyết các tình huống.

Tóm lại: Để giao tiếp sư phạm đạt hiệu quả thì cần tạo ra bầu không khí tâm lý giao tiếp tích cực giữa giáo viên và học sinh. Trong đó giáo viên thực sự là chủ theercos ý thức tổ chức, xây dựng mối quan hệ này. Trong giao tiếp học sinh thường hay e ngại, sợ tiếp xúc với giáo viên. Sự căn thẳng tâm lý này là hàng rào tâm lý ngấm ngầm hình thành trong quá trình học tập và rèn luyện. Muốn xóa bỏ hàng rào tâm lý này thì hoàn toàn phụ thuộc vào thái độ và hành vi ứng xử cảu giáo viên. Giao tiếp sư phạm hợp lý có nghĩa là biết tạo ra những cảm xúc, tình cảm tích cực ở thầy và trò.

3. Các loại phong cách giao tiếp sư phạm.

a. Phong cách giao tiếp dân chủ.

- Thực chất trong giao tiếp dân chủ là giáo viên phải biết tôn trọng nhân cách của học sinh, phải hiểu được những đặc điểm tâm lí cá nhân, vốn kinh nghiệm sống, trình độ nhận thức, nhu cầu động cơ hứng thú, mức độ nhận thức tích cực của học sinh. Nhờ đó giáo viên mới dự đoán đúng, chính xác các mức độ phản ứng, hoạt động của học sinh trong và sau quá trình giao tiếp.

- Phong cách dân chủ trong giao tiếp còn thể hiện ở chor giáo viên phải biết lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của học sinh và luôn tin tưởng các em. Những nguyện vọng chính đáng của các em phải được giáo viên đáp ứng kịp thời hoặc có lời giải thích rõ ràng. Giáo viên phải luôn quan tâm gần gũi các em, giúp các em giải quyết những vướng mắc trong học tập cũng như trong sinh hoạt. Từ đó giáo viên sẽ tạo được niền tin , sự kính trọng của học sinh đối với mình , nhằm xây dựng tốt mối quan hệ giữa giáo viên và học sinh, tạo bầu không khí tâm lý thân mật, gần gũi, yêu thương giữa mọi người với nhau, nhằm đem lại hiệu quả cac trong hoạt động sư phạm.

- Phong cách dân chủ tạo ra ở học sinh tính độc lập sáng tạo, sự say mê, lòng ham hiểu biết…Làm cho các em ý thức được vai trò, vị trí của mình trong hoạt động học tập, các hoạt động khác trong các nhóm bạn bè. Giúp các em có ý thức giáo dục lẩn nhau và tự giáo dục, tự rèn luyện mình để nhân cachs càng phát triển và hoàn thiện từng bước theo yêu cầu của xã hội.

- Dân chủ trong giao tiếp không có nghĩa là nuông chiều , thả mặc học sinh quá mức, đề cao vai trò của cá nhân hoặc thỏa mãn những đòi hỏi không xuất phát từ lợi ích chung của tập thể. Dân chủ trong quan hệ thầy trò không phải là xóa đi ranh giớ giữa thầy và trò, không theo kiễu “cá mè một lưa”, dân chủ thì phải tôn sư trọng đạo. Dân chủ trong giao tiếp là giáo viên phải biết tôn trọng học sinh, nhưng cũng phải có yêu cầu cao của học sinh về mọi mặt, phải làm cho học sinh có thái độ tôn trọng đối với giáo viên. Đối với giáo viên dân chủ trong giao tiếp là thể hiện tấm gương sáng sống động cho học sinh noi theo.

b. Phong cách độc đoán.

Phong cách độc đoán trong giao tiếp biểu hiện là giáo viên thường xem nhẹ những đặc điểm riêng về nhận thức, cá tính, nhu cầu, động cơ hứng thú của học sinh và thường thực hiện công việc theo nguyên tắc cứng nhắc mà ít chú ý đến khả năng của học sinh. Vì vậy khi tiếp xúc với học sinh, nhất là khi giao việc cho các em, giáo viên thường có những đòi hỏi mà học sinh khó có thể thực hiện được trong hoạt động.

Giáo viên có phong cách độc đoán trong giao tiếp thường có cách đánh giá và hành vi ứng xữ đơn phương một chiều theo ý chủ quan của bản thân giáo viên.

Ví dụ: Trong hoạt động nếu có học sinh nào tích cực hoạt động nổi bậc lấn át các học sinh khác thì thường được giáo viên coi là bướng bỉnh, muốn chơi trội. Còn học sinh nào nhút nhát, thụ động thì lại cho em đó là chay lười, biếng nhác. Trong quá trình đánh giá học sinh thì giáo viên thường cho là học sinh bây giờ vừa kém cỏi, dốt nát lại vừa vô lễ hơn trước đây.

Phong cách giao tiếp độc đoán làm mất đi sự tự do của học sinh, kiềm chế sự sáng tạo, sự suy nghĩ độc lập của học sinh làm học sinh cảm thấy bất hạnh hơn là hạnh phúc. Trong cách giao tiếp này sẽ hình thành ở học sinh tâm thế chống đối ngầm, trước mặt giáo viêm thì các em tỏ ra rất ngoan ngoãn, lễ phép hoặc có thể thờ ơ, lãnh đạm, miễn cưỡng không quan tâm, có những em thì chống đối ra mặt… Những giáo viên có phong cách này thường bi học sinh đánh giá là người khô khan, vụn về, thiếu tế nhị, cứng nhắc, đó là những con người của công việc…. Tuy nhiên phong cách độc đoán có tác dụng nhất định đối với những công việc đòi hỏi phải giải quyết trong thời gian ngắn, cấp bách có tính chất lễ hội, phong trào…

c. Phong cách tự do.

Bản chất của phong cách giao tiếp tự do là thái độ hành vi cữ chỉ, điệu bộ ứng xử của giáo viên đối với học sinh dễ dàng thay đổi trong những tình huống hoàn cảnh giao tiếp khác nhau. Phong cách này thể hiện sự linh hoạt, mềm dẻo đôi khi pha lẫn sự khéo xử sư phạm. Cũng có những trường hợp biểu hiện như là giao tiếp ngẫu nhiên.

Phong cách tự do trong giao tiếp sư phạm sẽ phát huy được tính tíh cực hoạt động nhận thức ở học sinh. Kích thích tư duy độc lập sáng tạo ở các em, làm cho học sinh cảm thấy thoãi máivì nó được xây dựng trên nền tảng là tôn trọng nhân cách học sinh. Nhưng đòi hỏi học sinh phải có trình độ nhận thức cao, có tinh thần tự giác và có ý thức trách nhiệm cao đối với công việc được giao.

Phong cách này dễ nảy sinh tư tưởng tự do quá trớn, trong tập thể có sự lộn xôn do kĩ luật không nghiêm. Quan hệ thầy trò bị coi nhẹ, học sinh có những hành vi ứng xử vô lễ, coi thường nhân cách của thấy,cách nói năng xã giao đơn điệu nhàm chán… Vì vậy khi xử dụng phong cách này giáo viên cần phải suy nghĩ kỹ về hậu quả của nó.

Tóm lại: Ba loại phong cách sư phạm nói trên đều có ưu nhược điểm nhất định. Do đó trong hoạt động sư phạm giáo viên cần phải có sự kết hợp linh hoạt cả ba loại phong cách trên sao cho phù hợp với từng tình huống cụ thể nhằm đem lại hiệu quả cao trong quá trình giao tiếp sư phạm.

4. Các nguyên tắc giao tiếp sư phạm.

a. Nhân cách mẫu mực trong giao tiếp.

Giao tiếp sư phạm là sự giao tiếùp giữa giáo viên và học sinh, nên người giáo viên cần phải gương mẫu trước học sinh về mọi mặt: Hành vi, cử chỉ, tư thế tác phong, trang phục lời nói…Nhân cách giáo viên mẫu mực được biểu hiện cụ thể như sau:

- Biểu hiện mẫu mực về trang phục, hành vi, cử chỉ, lời nói…tất cả những biễu hiện đó phải thống nhất với nhau. Nói năng phải rõ ràng mạch lạc, cử chỉ phải đường hoàng, đĩnh đạc, tự tin…, không thể nói một đường làm một nẻo.

- Thái độ và những biễu hiện của thái độ phải phù hợp với các phản ứng hành vi. Ví dụ: Khi giáo dục học sinh vi phạm thì mặt dù giáo viên thể hiện sự khoan dung độ lượng nhưng giọng nói phải dứt khoát, ánh mắt phải nghiêm nghị, cử chỉ phải rõ ràng. Còn muốn khen ngợi học sinh thì lời nói, hành vi phải nhẹ nhàng, sôi nổi, ánh mắt vui tươi, nét mặt rạng rỡ…

- Khi xữ dụng ngôn ngữ thì phải chọn từ , dùng từ…phải phù hợp với tình huống, nội dung và đối tượng giao tiếp. Không dùng lối nói mày, tao, mi, tớ hay đùa cợt quá trớn với học sinh vì như thế sẽ để lại ấn tượng không tốt về nhân cách người thầy trong lòng học sinh có thể suốt cả cuộc đời.

Trong giao tiếp sư phạm cần có sự thống nhất giữa lời nói và hành động. Sự tế nhị lịch thiệp của giáo viên là một nhân tố quan trọng cho sự thành công của quá trình dạy học và giáo dục học sinh. Nếu có sự mâu thuẩn trong lời nói và việc làm của giáo viên thì sẽ ảnh hưởng rất lớn đến sự hình thành và phát triển nhân cách học sinh. Giáo viên có nhân cách mẫu mực sẽ tạo ra uy tín đối với học sinh, đảm bảo sự thành công trong giao tiếp sư phạm.

b. Tôn trọng nhân cách học sinh trong giao tiếp.

Trong giao tiếp sư phạm cần tôn trọng nhân cách học sinh, phải coi đối tượng giao tiếp như là một con người, một chủ thể với dấy đủ các quyền được học tập, vui chơi, lao động… phù hợp với những đặc trưng tâm lí riêng. Phải tạo điều kiện cho học sinh bộc lộ những nét tính cách, nhu cầu, nguyện vọng của học sinh. Giáo viên không nên áp đạt học sinh theo ý mình một cách máy móc, mà phải gây ấn tượng ban đầu tốt đẹp đối với học sinh. Phải biết đạt vị trí của mình vào vị trí của học sinh để tạo ra sự thông cảm hiểu biết và tôn trọng lẩn nhau.

- Tôn trọng nhân cách đối tượng giao tiếp là giáo viên phải biết cách nói và biết cách lắng nghe ý kiến của học sinh, dù nó là đúng hay sai thì cũng không nên cắt ngang hay ngoảnh mặt đi chổ khác tỏ vẽ khó chịu … làm cho đối tượng gico tiếp sợ hãi mà không tiếp tục cuộc đối thoại, không dám bày tỏ hết nguyện vọng của mình. Khi nghe học sinh trình bày thì thường học sinh khó nói khó diễn đạt ý của mình, giáo viên phải gợi ý nhẹ nhàng, có thể biểu lộ thái độ khích lệ, động viên để các em nói hết những suy nghĩ của mình.

- Tôn trọng nhân cách đối tượng trong giao tiếp được thể hiện trong lời nói của giáo viên phải chân thật, mộc mạc, ôn hòa, cởi mở, từ giọng điệu, cách phát âm, việc sử dụng từ sao cho bảo đảm tính văn hóa. Bất kì trong trường hợp nào cũng không được xúc phạm đến danh dự, làm tổn thương đến phẩm giá nhân cách của học sinh, không nên chê bai hay trách phạt học sinh đặc biệt là trước lớp hoặc trước chổ đông người.

- Tôn trọng nhân cách đối tượng trong giao tiếp được thể hiện ở trang phục của giáo viên: Trang phục của giáo viên cần có sự hài hòa, cân đối phù hợp với hành vi cử chỉ, điệu bộ, lời nói của giáo viên theo kiểu “gặp nhau nhìn quần áo; tiễn nhau nhìn tâm hồn”. Trang phục gọn gàng, sạch sẽ, đúng kiểu cách là thể hiện sự tôn trọng học sinh.

- Tôn trọng nhân cách đối tượng trong giao tiếp được thể hiện là giáo viên phải biết khích lệ những ưu điểm của học sinh, biết lắng nghe và biết kiềm chế khi cần thiết. Không nên tỏ thái độ tức giận hay thái độ coi thường học sinh, không nên nổi giận mắng mõ, la hét, đập bàn ghế, cau mày nhăn trán hay có những lời lẽ nặng nề đối với các em.Hành vi, cử chỉ của giáo viên phải luôn giữ trạng thái cân bằng, có nhịp điệu khoan dung, cần tránh những hành vi, cử chỉ bộc phát như xé bài kiểm tra, xé đơn xin nghĩ học của học sinh khi các em mạo nhận chữ kí của cha mẹ…

Tôn trọng nhân cách đối tượng trong giao tiếp chính là tôn trọng mình. Trong quá trình giao tiếp sư phạm nếu không thự hiện tốt nguyên tắc này sẽ dẫn đến sự hiểu lầm lẩn nhau, gây không khí căn thẳng mọi người luôn mâu thuẫn, bực tức thành kiến với nhau và tìm mọi cách để chống đối nhau.

c. Có thiện chí trong giao tiếp.

Trong giao tiếp sư phạm cần tạo ra những tình cảm tốt đẹp giữa thầy và trò đẻ hai bên có sự hiểu biết lẩn nhau và dể thông cảm cho nhau. Có thiện chí trong giao tiếp là giữa thầy- trò phải luôn nghĩ tốt về nhau và tạo điều kiện thuận lợi cho người mình giao tiếp. Giáo viên phải tin tưởng ở đối tượng giao tiếp, luôn động viên khích lệ tinh thần của các em. Trong học tập giáo viên không nghĩ rằng học sinh của mình học kém, đạo đức tòi hay học sinh cá biệt…, cho dù học sinh có kém thật đi chăng nữa và đạo đức có vấn đề thì giáo viên cũng nên nghĩ rằng đó là những nét tính cách chưa được hoàn thiện, nó chỉ biểu hiện trong thời gian ngắn và nhất định những học sinh đó sẽ trở thành những người tốt về mọi mặt với sự giúp đở tận tình về mọi mặt của giáo viên.

Trong quá trình giao tiếp, sự hiểu biết lẩn nhau là một quá trình đầy mâu thuẩn: mâu thuẩn giữa những điều định nói ra với cái đã nói ra một cách có ý thức hay vô thức; mâu thuẩn giữa lời nói và hành vi cử chỉ… để hiểu biết một người không phải dể. Bởi vì con người là một nhân cách không lặp lại, con người thì rất cụ thể còn đời sống tâm lý thì rất đa dạng, phong phú và rất phức tạp, khi tiếp xúc con người không thể bộc lộ hết tất cả những đặc trưng tâm lí riêng và ta cũng chỉ có thể hiểu một phần nào đó mà thôi. Vì vậy cái cơ bản nhất để đảm bảo sự thành công trong giao tiếp sư phạm là phải nghĩ tốt về đối tượng giao tiếp, không nên có định kiến hay ganh tỵ với những thành tích của người khác, đồng thời không nên chê cười, chế giễu trước thất bại của đối tượng giao tiếp . Có như vậy mới tạo ra không khí tốt đẹp trong giao tiếp và ta cũng có thể dể dàng hiểu về đối tượng của mình.

Những biểu hiện của sự thiện chí trong giao tiếp sư phạm:

- Biểu hiện về thái độ, trách nhiệm trong dạy học và giáo dục học sinh: Nhiệm vụ của giáo viên là giúp học sinh lĩnh hội tri thức, làm thế nào để học sinh phát hiện được kiến thức…. Với thiện chí của mình, giáo viên phải sưu tầm các tài liệu, chuẩn bị kế hoạch bài giảng kĩ càng, mỗi lời nói trước học sinh phải được giáo viên chuẩn bị, gọt giũa thật chu đáo làm cho học sinh thấy phấn khởi, tự tin hơn. Chính đều đó càng động viên khích lệ giáo viên muốn đem hết tài năng sức lực của mình để phục vụ học sinh.

- Thể hiện ở sự nhận xét đánh giá đúng sẽ động viên, khích lệ các em vươn lên. Sự không công bằng của giáo viên vô tình làm cho các em học giỏi chủ quan, tự cao tự đại, những em học yếu kém được điểm khá cứ nghĩ như thế là được không cần phải cố gắng, tệ hại hơn nữa là việc giáo viên giấu diếm, bao che cho những lầm lỗi của những học sinh mà mình có thiện cảm, những tiêu cực của lớp trong việc báo cáo thi đua… tẩy chay những học sinh mà bản thân giáo viên không thích làm các em mất lòng tin, hình ảnh người thầy không còn là hình tượng để các em trân trọng… như vậy sẽ rất nguy hiểm vì những điều đó chính là hại các em, dẩn đường cho các em tiếp tục sai lầm trở thành những thói quen xấu rất khó sửa chữa ,tạo ra hàng loạt phế phẩm làm gánh nặng cho xã hội sau này đồng thới phá vỡ đi truyền thống tôn sư trọng đạo của dân tộc ta đã bao đời. Trong đánh giá, đối với những học sinh vì hoàn cảnh đặc biệt đã có nhiều cố gắng nhưng kết quả vẫn chỉ gần đạt yêu cầu thì giáo viên cần sử dụng phương pháp “ tạm ứng niềm tin” đối với các em sẽ có hiệu quả tốt. Bởi vì, khi các em được giáo viên tin tưởng giao việc cho các em thì phần lớn các em đều đạt kết quả để khỏi phụ lòng tin của thầy, cô giáo đối với mình.

+ Thiện chí trong giao tiếp sư phạm còn thể hiện ở chỗ khi giao việc của lớp; trong việc phân xử những vấn đề học sinh nhờ làm trọng tài; trong lời nói của giáo viên như không nên la mắng, quát nạt học sinh, mà lời nói của giáo viên dù là phê bình hay trách phạt trước lớp, mời phụ huynh đến trường để kết hợp giáo dục, phạt lao động, trực nhật … đều cần phải có thiện chí và mong muốn ở họ sự thay đổi. Những lời nói thiếu thiện chí của giáo viên đối với học sinh là thể hiện sự bất lực của giáo viên trong quá trình giao tiếp sư phạm. Vì vậy, khi có điều nghi ngờ thì nên nói thẳng chứ đừng để trong lòng, nó sẽ là một gánh nặng rất nguy hiểm .

+ Trong quá trình giao tiếp thì cả chủ thể và đối tượng không bao giờ nên nghĩ mình giao tiếp vì lợi ích cá nhân, cũng không nên vì lợi ích của bản thân mà gây thiệt hại đến uy tín của đối tượng giao tiếp, của tập thể. Phải biết đặt lợi ích của học sinh lên trên hết theo khẩu hiệu: “ tất cả vì học sinh thân yêu” đó không chỉ là khẩu hiệu mà còn là nguyên tắc ứng xử của thầy, cô giáo đối với học sinh.

d. Nguyên tắc đồng cảm trong giao tiếp:

- Sự đồng cảm trong giao tiếp sư phạm là giáo viên phải biết đặt vị trí của mình vào vị trí của đối tượng giao tiếp khi tiếp xúc, khi giải quyết các tình huống sư phạm để có sự thông cảm và hiểu biết lẫn nhau. Có như vậy thì giáo viên mới thật sự sống trong niềm vui nỗi buồn của học sinh. Nhờ sự đồng cảm mà giáo viên mới có hành vi ứng xử phù hợp với yêu cầu, nguyện vọng mong muốn của các em và sẽ đem lại hiệu quả giáo dục cao.

- Để tạo ra sự đồng cảm trong giao tiếp sư phạm thì giáo viên cần phải có sự quan tâm gần gũi để tìm hiểu đặc điểm tâm lý của học sinh, qua đó hiểu được điều kiện hoàn cảnh gia đình của từng em để có thể cùng rung cảm với học sinh, tạo ra cảm giác an toàn nơi học sinh. Khi tiếp xúc với học sinh, giáo viên không nên gây không khí căng thẳng trong tâm trí học sinh qua mỗi lần giao tiếp. Phải luôn tạo cho học sinh những niềm vui mới, có nhu cầu muốn được tiếp xúc với giáo viên. Đồng cảm là cơ sở hình thành mọi hành vi ứng xử nhân hậu, khoan dung độ lượng theo kiểu : “ thương người như thể thương thân” người giáo viên không có sự đồng cảm với học sinh thường giải quyết công việc theo nguyên tắc cứng nhắc. Ví dụ : học sinh nghỉ học một buổi là phê bình góp ý ; bài kiểm tra kém cho điểm kém, không cần tìm hiểu nguyên nhân, điều kiện hoàn cảnh gia đình, bản thân học sinh ra sao … giáo viên hãy nhớ lại tuổi thơ học tập của mình để đồng cảm với các em, bù đắp lại những thiệt thòi, thiếu hụt do hoàn cảnh gia đình khó khăn không thể nào đáp ứng cho các em được.

Tóm lại : giao tiếp sư phạm là một hệ thống phức tạp và là quá trình sáng tạo để giải quyết các nhiệm vụ giáo dục, học tập, muốn đạt được mục đích trong quá trình giao tiếp thì người giáo viên cần thực hiện tốt các nguyên tắc cơ bản trên. Những nguyên tắc này nhằm hoàn thiện nhân cách của người giáo viên, nhưng chính những nguyên tắc này góp phần xây dựng phát triển nhân cách cho học sinh .

Một số biểu hiện hành vi lạc chuẩn của học sinh.

- Thiếu ý thức tổ chức kỉ luật, lười học, lười lao động, hay trốn học đi chơi.

- Thiếu lễ phép với thầy cô, người lớn, cha, mẹ. xúc phạm thầy cô.

- Hay gây gổ, chửi thề, nói tục, trộm cắp vặt…

- Uống rượu, bia, hút thuốc, cờ bạc…

Một số thủ thuật khéo léo trong đối xử sư phạm thể hiện tính thống nhất của các nguyên tắc giao tiếp sư phạm.

- Giáo viên phải thành thực quan tâm đến học sinh trong học tập và trong sinh hoạt.

- Biết mỉm cười chân thật, thân thiện khi tiếp xúc với các em học sinh, giọng nói thể hiện thái độ thiện cảm, dịu hiền, ôn hòa ngay cả những khi tức giận nhất.

biết cách động viên khích lệ mọi người cùng quan tâm đến học sinh.

- Biết gợi lên những suy nghĩ của học sinh, giúp các em nói lên được những điều các em muốn nói hay cảm thấy khó nói, giúp các em vượt qua được những khó khăn của thường đời để học tập tốt hơn .

- Phải làm cho học sinh hiểu được những mặt mạnh, mặt hạn chế về trí tuệ về tình cảm, thể chất của mình để có hướng học tập và phấn đấu vươn lên.

- Cần có lời khen thành thật khi bắt đầu câu chuyện với học sinh (nhất là học sinh cá biệt) tạo cảm giác an toàn, niềm vui mới, nghị lực mới cho học sinh sau mỗi lần tiếp xúc với thầy, cô giáo.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *............., ngày...tháng...năm....* |
|  | **Người viết** |